

Số: 16/2025/QĐST - DS

Quảng Trị, ngày 25 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 12 năm 2025, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 63/2025/TLST- DS ngày 16 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Các đồng nguyên đơn:

+ Ngân hàng TMCP V, địa chỉ: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo uỷ quyền: Ông Cao Duy T, chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ pháp lý tích hợp 1; người được uỷ quyền lại: Ông Đào Tùng L, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 - Chuyên viên xử lý nợ, địa chỉ: Số A T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

+ Công ty Cổ phần M1, địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà V, số I D, phường C, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T2, chức vụ: Giám đốc; người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Quốc T3, chức vụ: Phó Giám đốc; người được uỷ quyền lại: Bà Đặng Thùy D1 - Chuyên viên xử lý nợ, địa chỉ: Số A T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1971 và bà Ngô Thị M, sinh năm 1971, cùng địa chỉ: Thôn C, xã N, tỉnh Quảng Trị.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngân hàng V1, Công ty cổ phần M1 và ông Nguyễn Văn T4, bà Ngô Thị M thống nhất đến ngày 10/12/2025, số tiền nợ là: 1.904.109.364 đồng (trong đó, nợ gốc: 1.674.640.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 13.567.855 đồng, nợ lãi quá hạn: 204.866.066 đồng và chậm trả lãi: 11.035.443 đồng) theo Hợp đồng cho vay số 10251928/HĐTD ngày 21/08/2024 kèm khế ước nhận nợ ngày 21/8/2024 đã ký giữa Ngân hàng TMCP V và ông Nguyễn Văn T4, bà Ngô Thị M. Các bên thống nhất thỏa thuận về thời gian trả nợ cụ thể như sau:

+ Ngày 10/01/2026: Ông Nguyễn Văn T4, bà Ngô Thị M phải thanh toán cho Công ty cổ phần M1 số tiền 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng); thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

+ Ngày 10/02/2026: Ông Nguyễn Văn T4, bà Ngô Thị M phải thanh toán cho Công ty cổ phần M1 số tiền 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng); thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

+ Ngày 10/03/2026: Ông Nguyễn Văn T4, bà Ngô Thị M phải thanh toán cho Công ty cổ phần M1 số tiền 1.428.903.896 đồng (một tỷ bốn trăm hai mươi tám triệu chín trăm lẻ ba nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng) , trong đó nợ gốc 1.210.908.000 đồng, nợ lãi trong hạn 12.889.462 đồng, nợ lãi quá hạn 194.622.763 đồng và chậm trả lãi 10.483.671 đồng); thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền 75.205.468 đồng (bảy mươi lăm triệu hai trăm lẻ năm nghìn bốn trăm sáu mươi tám đồng), trong đó nợ gốc 63.732.000 đồng, nợ lãi trong hạn 678.393 đồng, nợ lãi quá hạn 10.243.303 đồng và chậm trả lãi 551.772 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 10/12/2025 cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ, ông Nguyễn Văn T4 và bà Ngô Thị M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 10251928/HĐTD ngày 21/08/2024 kèm khế ước nhận nợ ngày 21/8/2024 đã ký. Tỷ lệ trả lãi phát sinh cho Công ty cổ phần M1 và Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng mua bán nợ số 11/2025/VPB- MARS ngày 26/6/2025 và phụ lục đính kèm.

Trường hợp ông Nguyễn Văn T4 và bà Ngô Thị M vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần M1, Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại các tài sản thế chấp để thu hồi nợ, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 714, tờ bản đồ 8, địa chỉ thôn C, xã H, huyện Q (nay là thôn C, xã N, tỉnh Quảng Trị) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 628692, sổ vào sổ cấp GCN CH01449 do Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 15/5/2017 mang tên Nguyễn Văn T4, Ngô Thị M; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 715, tờ bản đồ 8, địa chỉ thôn C, xã H, huyện Q (nay là thôn C, xã N, tỉnh Quảng Trị) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 628693, sổ vào sổ cấp GCN CH01448 do Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 15/5/2017 mang tên Nguyễn Văn T4, Ngô Thị M. Các tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN 2304178943922/HĐTC ngày 18/4/2023 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 20/8/2024 đã ký.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các đồng nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (V1), Công ty cổ phần M1 và bị đơn ông Nguyễn Văn T4, bà Ngô Thị M thỏa thuận giao bị đơn ông Nguyễn Văn T4, bà Ngô Thị M phải chịu số tiền 34.561.640 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty cổ phần M1 số tiền 32.094.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/25E, số 0000940 ngày 16 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền 2.289.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/25E, số 0000939 ngày 16 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

- Về chi phí tố tụng: Công ty cổ phần M1 đã nộp số tiền 4.700.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Căn cứ Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự các đồng nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (V1), Công ty cổ phần M1 và bị đơn ông Nguyễn Văn T4, bà Ngô Thị M thoả thuận giao bị đơn ông Nguyễn Văn T4, bà Ngô Thị M phải chịu số tiền 4.700.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ để hoàn trả lại cho Công ty cổ phần M1.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND KV4 – Quảng Trị;
- Phòng THADS KV4 - Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thuỷ